

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thái Thế.
2. Bà Thạch Thị Thúy Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 19AA.

Địa chỉ: Số A, Khu dân cư ấp P, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Phước L, sinh năm 19BB.

Địa chỉ: Số B, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số A, Khu dân cư ấp Ph, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Thị Thu T và anh Lê Phước L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị T và anh L quen biết tự tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2013, đăng ký kết hôn vào

ngày 05/3/2013 tại UBND Phường D, thành phố S. Sau khi kết hôn chị T và anh L sống chung tại nhà mẹ ruột chị T, chị T và anh L sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn như vợ chồng thường gây gổ do anh L nói chuyện không tôn trọng chị T, anh L không lo làm ăn, không lo cho vợ con.

Tuy hiện tại vợ chồng còn sống chung với nhau, nhưng từ khoảng giữa năm 2019 đến nay chị T không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho anh L nữa, chị T không quan tâm đến việc anh L có quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho chị T không, ngoài ra không có nguyên nhân nào khác. Gia đình hai bên chị T và anh L có khuyên can hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị T nhận thấy không còn tình cảm thương yêu anh L, nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Chị T không thể đoàn tụ sống chung vợ chồng với anh L.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống có hai con chung tên Lê Toàn Ph, sinh ngày 18/7/20CC và Lê Quỳnh Khả H, sinh ngày 25/5/20DD, hiện cháu Ph và cháu H đang sống chung với chị T, anh L. Khi ly hôn chị T đồng ý giao hai con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

*** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Phước L trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh L thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian quen nhau, tự tìm hiểu nhau, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung. Sau kết hôn, anh L, chị T sống tại nhà của mẹ chị T, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, không có cự cãi nhau, anh L không có nói chuyện không tôn trọng chị T, anh L luôn lo làm ăn và lo cho vợ con, lúc nào anh L cũng quan tâm, chăm sóc lo lắng cho chị T; còn chị T không quan tâm, chăm sóc lo lắng cho anh L từ khoảng giữa năm 2019 đến nay, dù vợ chồng vẫn sống chung với nhau. Gia đình hai bên chị T và anh L có khuyên can hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị T không đồng ý.

Nay anh L nhận thấy còn tình cảm thương yêu chị T, anh L không muốn con thiếu tình thương của cha mẹ khi ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau.

- Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Lê Toàn Ph, sinh ngày 18/7/20CC và Lê Quỳnh Khả H, sinh ngày 25/5/20DD, hiện cháu Ph và cháu H đang sống chung với chị T, anh L. Trường hợp ly hôn, anh L yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng dẫn đến ly hôn chị T không trình bày rõ và không trình bày được, chị T không chứng minh được mâu thuẫn cụ thể dẫn đến việc ly hôn anh L. Anh L trình bày còn thương chị T, anh L không muốn con thiếu tình thương của cha mẹ. Để bảo vệ hạnh phúc hôn nhân gia đình, góp phần phát triển xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung, tài sản chung không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Phước L là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2013 tại UBND Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn như vợ chồng thường cãi nhau do anh L nói chuyện không tôn trọng chị T, anh L không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Còn anh L trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, không có cự cãi nhau, anh L không có nói chuyện không tôn trọng chị T, anh L luôn lo làm ăn và lo cho vợ con. Vì còn tình cảm với chị T, nên anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống chăm sóc các con.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị T xin ly hôn anh L vì cho rằng vợ chồng thường cãi nhau do anh L nói chuyện không tôn trọng chị T, anh L không lo làm ăn, không lo cho vợ con là chưa đủ căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, chị T thừa nhận anh

L hiện có quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho chị T và tiền ăn, tiền học cho con là do anh L đóng. Chị T cũng thừa nhận từ trước đến nay vợ chồng chỉ cãi nhau, anh L không có lần nào đánh chị T. Chứng tỏ anh L không có hành vi gì vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải cho ly hôn.

Quá trình hòa giải tại tòa, anh L xác định vẫn còn tình cảm với chị T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Xét thấy, việc bảo vệ mối quan hệ hôn nhân gia đình chính là góp phần làm phát triển xã hội. Nếu chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, chưa thật sự trầm trọng mà dẫn đến ly hôn thì đó là điều chưa thỏa đáng. Vì mục đích để cho chị T có thời gian suy nghĩ và hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu ly hôn anh L.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét đến các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về án phí: Chị Trần Thị Thu T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân và gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu T về việc yêu cầu ly hôn anh Lê Phước L.

Chị T và anh L tiếp tục trở về đoàn tụ chung sống nuôi dạy con.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu T nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân và gia đình). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, chị T đã nộp ngày 26/10/2020 theo biên lai thu số 0008456 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án vào phí phải nộp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Thúy